

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (riêng)

Quý 03 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 03 Năm 2010	Quý 03 Năm 2009	9 tháng Năm 2010	9 tháng Năm 2009
Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	01		77,882,805,246	64,394,317,867	188,645,312,308	163,324,831,815
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		18,366,178	40,513,351	48,658,593	103,703,863
Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ	10		77,864,439,068	64,353,804,516	188,596,653,715	163,221,127,952
Giá vốn hàng bán	11		53,462,002,478	45,695,996,125	126,290,333,506	115,369,805,281
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		24,402,436,590	18,657,808,391	62,306,320,209	47,851,322,671
Doanh thu hoạt động tài chính	21		479,898,493	458,550,870	2,224,148,362	3,968,251,141
Chi phí tài chính	22		2,423,374,671	1,083,496,129	5,563,476,283	3,614,109,662
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2,317,978,952	995,831,669	5,346,770,058	3,201,143,898
Chi phí bán hàng	24		18,639,663,599	16,031,135,077	49,624,389,263	43,218,668,407
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3,372,280,290	2,744,457,659	9,480,163,023	7,655,084,612
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		447,016,523	(742,729,604)	(137,559,998)	(2,668,288,869)
Thu nhập khác	31		17,074,845,528	2,233,077,751	21,193,885,078	3,508,728,853
Chi phí khác	32		9,599,930,430	170,039,366	9,985,905,456	623,572,871
Lợi nhuận khác	40		7,474,915,098	2,063,038,385	11,207,979,622	2,885,155,982
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7,921,931,621	1,320,308,781	11,070,419,624	216,867,113
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3,334,379,007	-	3,801,005,561	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4,587,552,614	1,320,308,781	7,269,414,063	216,867,113
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Kế toán trưởng

[Signature]

Lã Thái Hiệp

Ngày 20 tháng 10 năm 2010

Tổng giám đốc



[Signature]
Phan Thị Lệ